

Bản án số: 101/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 10 - 2019

“tranh chấp không công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VINH LONG - TỈNH VINH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cù Quý Nữ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Huỳnh Thị Chi**

2. Ông **Nguyễn Tùng Châu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Thùy Nương** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Ông **Trần Hoàng Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về “tranh chấp không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 969/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Dương Thị Yến L**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số nhà A, xã T, T1, thành phố V, tỉnh Vinh Long

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc Th**, sinh năm 1972 (vắng)

Địa chỉ: Số nhà B, xã M, T2, thành phố V, tỉnh Vinh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2019 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc Th thành hôn theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, thành phố Vinh Long. Trong thời gian chung sống ban đầu có hạnh phúc, nhưng từ năm 2010 thì do làm ăn thất bại nên gia đình thường xảy ra mâu thuẫn, anh Thạch có người phụ nữ khác nên cuộc sống

vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn. Chị và anh Th có hai con chung: Nguyễn Ngọc Th V, sinh ngày 29/5/1996 và Nguyễn Ngọc Th V, sinh ngày 06/01/2004 chị xin được nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án án Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải, triệu tập hợp lệ anh Th đến Tòa nhưng anh Th đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị L giữ yêu cầu xin ly hôn và các yêu cầu khác như đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án, áp dụng các Điều 28,35,39,147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, các Điều 14,53,81,82,83,84 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị L và anh Th là vợ chồng. Con chung: Nguyễn Ngọc Th V1, sinh ngày 29/5/1996 đã trưởng thành nên không xét và Nguyễn Ngọc Th V2, sinh ngày 06/01/2004 tiếp tục giao chị L nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên miễn xét. Về án phí, chị Loan chịu 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Dương Thị Yến L xin không công nhận quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Ngọc Th. Anh Th có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thuộc địa bàn thành phố Vĩnh Long giải quyết nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28,35,39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Thạch đến Tòa để giải quyết tranh chấp giữa các đương sự nhưng các lần anh Th đều vắng mặt do đó căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung: chị L và anh Th thành hôn trên cơ sở tự nguyện, chị Loan trình bày vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1 nhưng chị không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn đồng thời có xác nhận có Ủy ban nhân dân xã T1 xác định qua truy lục sổ đăng ký kết hôn thì không có tên đăng ký kết hôn của chị L và anh Th, nên chị L và anh Th chung sống như vợ chồng nhưng không có

đăng kí kết hôn. Do đó không công nhận chị L và anh Th là vợ chồng là có cơ sở phù hợp quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: chị L và anh Th có hai con chung Nguyễn Ngọc Th V1, sinh ngày 29/5/1996 và Nguyễn Ngọc Th V2, sinh ngày 06/01/2004. Th V1 đã trưởng thành, phát triển bình thường nên miễn xét. Đối với Th V2 chị L xin được tiếp tục nuôi Th V2, đây cũng là nguyện vọng của Th V2 do đó giao con cho chị L tiếp tục nuôi, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu là phù hợp theo quy định tại các Điều 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên miễn xét.

[3] Án phí sơ thẩm: chị L chịu 300.000đ án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Yến L.

Về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Dương Thị Yến L và anh Nguyễn Ngọc Th là vợ chồng.

Về con chung: Nguyễn Ngọc Th V1, sinh ngày 29/5/1996 đã trưởng thành nên không xét. Tiếp tục giao Nguyễn Ngọc Th V2, sinh ngày 06/01/2004 cho chị L nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Th được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nếu anh Th lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Th.

Vì quyền lợi của con nên được thay đổi quyền nuôi con cũng như việc cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật khi có yêu cầu.

Tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên miễn xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo lai thu số 0004643 ngày 25/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Chị L đã nộp đủ.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Th vắng mặt nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể

từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND TP Vĩnh Long: 01b;
- CC THSDS TP Vĩnh Long: 01b;
- UBND xã T1: 01b
- Đường sự: 02b;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

CÙ QUÝ NỮ